ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN KHÁNH SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh Phúc**
Số:891 /UBND	*Khánh Sơn, ngày 13 tháng 10 năm 2016*

V/v góp ý dự thảo Nghị quyết CT MTQG XD NTM huyện Khánh Sơn giai đoạn 2016-2020

Kính gửi:

- Lãnh đạo các Phòng, ban trên địa bàn huyện;
- Các thành viên BCĐ Chương trình MTQG xây dựng NTM huyện.

Nhằm đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 27/12/2011 của Hội đồng nhân dân huyện Khánh Sơn về việc kế hoạch thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Khánh Sơn giai đoạn 2011-2015 và 2020, định hướng đến năm 2030. UBND huyện Khánh Sơn đề nghị các Phòng, ban và các thành viên BCĐ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện tham gia góp ý dự thảo Nghị quyết Chương trình MTQG xây dựng NTM huyện Khánh Sơn giai đoạn 2016-2020

(Dự thảo được đăng tải tại Cổng thông tin điện tử huyện Khánh Sơn: ***khanhson.khanhhoa.gov.vn*** *, mục Góp ý văn bản dự thảo).*

Văn bản góp ý gửi về UBND huyện (thông qua Phòng Nông nghiệp và PTNT cơ quan thường trực Chương trình MTQG xây dựng NTM) trước ngày **18/10/2016**./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: VT, NN.	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** KT. CHỦ TỊCH PHÓ CHỦ TỊCH Phan Văn Sửu

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KHÁNH SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /BC-UBND	*Khánh Sơn, ngày tháng năm 2016*

CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI HUYỆN KHÁNH SƠN GIAI ĐOẠN 2016-2020

Thực hiện Nghị quyết số 23 ngày 27 tháng 12 năm 2011 của HĐND huyện Khánh Sơn về việc kế hoạch thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Khánh Sơn giai đoạn 2011-2015 và 2020, định hướng đến năm 2030. UBND huyện Khánh Sơn báo cáo với nội dung như sau:

Sau 5 năm triển khai Chương trình trên địa bàn huyện theo Nghị quyết số 23/NQ-NĐND ngày 27/12/2011 của HĐND huyện, Chương trình đã thực sự đi vào cuộc sống và trở thành phong trào thi đua sâu rộng trong toàn đảng toàn dân, cả hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở vào cuộc, được người dân đồng tình hưởng ứng, tham gia tích cực; những kết quả đạt được bước đầu sau 5 năm triển khai thực hiện Chương trình rất đáng trân trọng và tạo tiền đề cho những năm tiếp theo.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai Chương trình vẫn còn một số hạn chế như: Số lượng các tiêu chí đạt còn thấp so với yêu cầu Nghị quyết đã đề ra như: Cơ sở vật chất văn hóa, hộ nghèo, thu nhập, nhà ở dân cư ..

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2011-2015

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 05 NĂM (2011-2015)

1. Thành lập, kiện toàn bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình

a) Mô hình tổ chức bộ máy chỉ đạo Chương trình từ cấp huyện đến xã, thôn

- Cấp huyện: Để điều hành mọi hoạt động nông thôn mới UBND huyện Khánh Sơn đã thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện gồm 33 đồng chí thành viên, do đồng chí Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng ban; Phó Chủ tịch UBND huyện làm phó ban thường trực và Trưởng Phòng Nông nghiệp và PTNT là Phó ban, các thành viên là lãnh đạo các cơ quan, ban, ngành đoàn thể trên địa bàn huyện. Ngay sau khi thành lập Ban Chỉ đạo huyện đã xây dựng Quy chế hoạt động, xây dựng chương trình công tác, phân công nhiệm vụ cụ thể các đồng chí trong ban chỉ đạo phụ trách từng lĩnh vực theo từng tiêu chí và phụ trách từng địa bàn. Bên cạnh đó, để giúp việc cho Ban chỉ đạo, UBND huyện đã thành lập tổ giúp việc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn.

- Cấp xã: UBND huyện đã chỉ đạo, hướng dẫn các xã thành lập ban chỉ đạo và ban quản lý chương trình NTM điều hành mọi hoạt động nông thôn mới các xã. BCĐ do đồng chí Bí thư đảng ủy làm Trưởng Ban, các thành viên BCĐ là trưởng các ban, ngành đoàn thể liên quan. Sau thành lập các địa phương đều xây dựng

Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới các ban đều phát huy hiệu quả trong chỉ đạo và điều hành hoạt động tại địa phương.

b) Kết quả kiện toàn bộ máy giúp việc cho Ban chỉ đạo theo Quyết định số 1996/QĐ-TTg ngày 04/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện quyết định số 1996/QĐ-TTg ngày 04/11/2014 của Thủ tướng, ngày 10/3/2015 UBND huyện đã thành lập Văn Phòng điều phối huyện (VPĐP), do đồng chí Phó chủ tịch UBND huyện làm Chánh văn phòng, Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện là cơ quan trực. Việc thành lập VPĐP đã kịp thời tham mưu, giúp việc cho BCĐ huyện triển khai thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch chương trình hiệu quả hơn.

2. Ban hành các văn bản và hướng dẫn thực hiện

- Để chỉ đạo, điều hành, quản lý triển khai thực hiện Chương trình. Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, UBND huyện đã ban hành các Nghị quyết chuyên đề; Quyết định; Kế hoạch và văn bản hướng dẫn liên quan trực tiếp đến việc chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện Chương trình, cụ thể:

- Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 27/12/2011 về việc kế hoạch thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Khánh Sơn giai đoạn 2011-2015 và 2020, định hướng đến năm 2030.

3. Công tác tuyên truyền, vận động

a) Đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện công tác tuyên truyền

- Xác định công tác tuyên truyền là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Do vậy, Ban chỉ đạo Chương trình quan tâm tập trung triển khai thực hiện, xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến đến các ban ngành, đoàn thể, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân bằng nhiều hình thức. Qua triển khai cán bộ đảng viên và nhân dân hiểu rõ hơn mục đích, nội dung, chỉ đạo của TW, tỉnh, huyện về xây dựng NTM để nhân dân chủ động tham gia chung tay xây dựng NTM.

- Xây dựng 215 bản tin và bài phóng sự phát trên Đài phát thanh huyện và Đài Phát thanh truyền hình Khánh Hòa và báo Khánh Hòa; tổ chức 02 lớp tuyên truyền về Chương trình xây dựng NTM cho 210 đại biểu tham dự; tổ chức Hội thi Thanh niên với xây dựng nông thôn mới với sự tham gia của 360 đoàn viên thanh niên trên toàn huyện; cấp phát trên 2.000 tờ rơi cho các xã; cấp phát 150 sổ tay tuyên truyền, hướng dẫn cụ thể hóa Bộ tiêu chí Quốc gia theo Quyết định 823/QĐ-UBND trên địa bàn tỉnh; mỗi xã trên địa bàn huyện đã xây dựng các cụm panô, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu, tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền hướng dẫn các chính sách triển khai thực hiện Chương trình tại địa phương mình.

b) Kết quả triển khai thực hiện Phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới"; cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới"

- Công tác tuyên truyền được chỉ đạo thực hiện thường xuyên, liên tục qua hệ thống thông tin đại chúng (Đài truyền thanh huyện, xã...). Ngoài ra, còn thực

hiện lồng ghép với các tổ chức, đoàn thể trên địa bàn huyện tổ chức tuyên truyền, vận động hưởng ứng và phát động các phong trào thi đua, các cuộc vận động như "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, gắn xây dựng NTM"; hưởng ứng phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" do Thủ tướng Chính phủ; Đoàn thanh niên phát động phong trào "tuổi trẻ chung tay xây dựng NTM"; phát động phong trào bảo vệ môi trường, công trình thanh niên "Thắp sang đường quê"; phụ nữ với mô hình "5 không 3 sạch", nông dân với kế hoạch "phát huy nội lực để phát triển cộng đồng, góp phần xây dựng NTM và phát huy dân chủ cơ sở". Kết quả cụ thể như sau:

- Hưởng ứng phong trào "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, gắn xây dựng NTM"; và phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới". Trong 5 năm qua, trung bình mỗi năm đạt trên 70% hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa; trên 95% cơ quan, đơn vị đạt danh hiệu cơ quan, đơn vị văn hóa; 74% khu dân cư đạt danh hiệu văn hóa. Hiện nay, toàn huyện có 27 khu dân cư có nhà sinh hoạt cộng đồng, 04 Nhà dài truyền thống của người Raglay.

- Thực hiện cuộc vận động *"Ngày vì người nghèo*. Trong 5 năm qua, toàn huyện đã xây dựng được 87 ngôi nhà Đại đoàn kết, mỗi nhà trị giá từ 10 - 30 triệu đồng với tổng giá trị 2,240 tỷ đồng; hỗ trợ 201 hộ nghèo xây nhà trong chương trình 167/QĐ-TTg của Chính phủ (trong đó có 72 hộ là người kinh) với tổng trị giá 323 triệu đồng. Tính đến nay, tổng số tiền đóng góp xây dựng quỹ *"Vì người nghèo"* của huyện đã vận động được trên 227 triệu đồng, số tiền trên đã được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện tập trung sửa chữa 16 nhà bị hư hỏng cho người dân có hoàn cảnh khó khăn tại các xã Sơn Hiệp, Sơn Trung và thị trấn Tô Hạp, trị giá 177,3 triệu đồng. Đã góp phần thực hiện tiêu chí nhà ở dân cư, xóa nhà tạm ở các xã.

- Hưởng ứng phong trào "tuổi trẻ chung tay xây dựng NTM"; Đoàn thanh niên huyện đã tổ chức 42 buổi tuyên truyền về chương trình NTM thu hút hơn 2.700 đoàn viên tham gia, tổ chức 102 đợt về công tác bảo vệ môi trường cho trên 5.000 đoàn viên. Thực hiện công trình thanh niên "Thắp sáng đường quê" đã vận động sửa chữa, nâng cấp trên 8 km đường GTNT, trị giá trên 120 triệu đồng và đóng góp trên 400 ngày công.

- Hưởng ứng phong trào "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, gắn xây dựng NTM"; và phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" Hội Cựu chiến binh đã tổ chức 12 lớp tuyên truyền về chủ trương chính sách xây dựng chương trình NTM với 687 hội viên tham gia. Ngoài ra còn vận động hội viên hiến 2,3ha đất, tham gia đóng góp 357 ngày công làm đường GTNT. Tổ chức hướng dẫn cho hội viên tham gia giám sát các công trình xây dựng và thành lập các tổ tự quản các công trình GTNT tại các xã.

- Phát động kế hoạch "phát huy nội lực để phát triển cộng đồng, góp phần xây dựng NTM và phát huy dân chủ cơ sở". Hội Nông dân đã tổ chức tuyên truyền cho hơn 5.200 hội viên nông dân về chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông

thôn mới. Tuyên truyền về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của chương trình cũng như vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông thôn mới. Trong 5 năm Hội Nông dân đã tổ chức giúp hơn 1.200 hộ nông dân nghèo phát triển kinh tế bằng các hình thức giúp vốn, cây, con giống, ngày công lao động; Hội tổ chức thành lập 12 tổ hợp tác sản xuất trong nông dân như tổ hợp tác chăn nuôi heo, tổ hợp tác trồng cà phê, tổ hợp tác trồng mía tím, tổ hợp tác trồng sầu riêng, tổ hợp tác vườn rừng - vườn nhà…; phát động phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững, trung bình hàng năm có 2.600 hộ đạt danh hiệu nông dân giỏi các cấp. Tổ chức 02 lớp dạy nghề cho nông dân với 63 hội viên, góp phần nâng tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn. Qua tuyên truyền, vận động bước đầu đã mang lại hiệu quả, huy động được nhân dân tham gia vào công cuộc xây dựng nông thôn mới, các đoàn thể đã tổ chức tuyên truyền, vận động hội viên tích cực tham gia thực hiện chương trình bằng những việc làm thiết thực cụ thể như sau: Người dân hiến đất được 4,8 ha, đóng góp 735 ngày công và đóng góp vật tư 547 triệu đồng, để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, bên cạnh đó các tổ chức đoàn thể còn vận động hội viên tích cực tăng gia sản xuất, tham gia thực hiện tốt các chương trình đề án hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển kinh tế nâng cao thu nhập để cải thiện đời sống.

4. Tổ chức đào tạo, tập huấn cán bộ thực hiện Chương trình

- UBND huyện đã chỉ đạo cho các phòng ban liên quan phối hợp với UBND các xã tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn xây dựng nông thôn mới với nhiều chuyên đề như: Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng chương NTM; Công tác tuyên truyền, vận động thực hiện xây dựng NTM; Cơ chế huy động nguồn lực và quản lý tài chính ngân sách; Quy trình triển khai thực hiện dự án phát triển cơ sở Hạ tầng kinh tế - Xã hội thuộc Chương trình; Phát triển sản xuất và nâng cao thu nhập cho người dân; Đổi mới nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất ở nông thôn; và nhiều chuyên đề khác. Sau các lớp tập huấn, cán bộ và nhân dân đã có nhiều chuyển biến về nhận thức, kiến thức chuyên môn để chủ động làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, huy động nguồn lực, phương pháp, cách thức để tổ chức thực hiện chương trình nông thôn mới. Ngoài việc đào tạo tập huấn tại địa phương, huyện đã cử nhiều cán bộ, chuyên viên tham gia tập huấn do tỉnh, ngành tổ chức.

- Kết quả công tác đào tạo tập huấn như sau: Trong 5 năm đã cử 250 lượt người tham gia 09 lớp tập huấn mở tại tỉnh; huyện đã tổ chức 03 lớp tập huấn cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới cấp xã với 217 lượt người tham gia; cấp xã đã tổ chức được 07 lớp tập huấn với trên 280 người tham gia.

5. Công tác lập quy hoạch, đề án xây dựng NTM

a) Lập quy hoạch và quản lý quy hoạch xây dựng NTM

- Hiện nay 3/7 xã chưa lập quy hoạch chi tiết 1/2000 (Sơn Hiệp, Sơn Trung, Ba Cụm Nam). Do tỉnh chưa phân bổ kinh phí.

- 4/7 xã đã có quy hoạch chi tiết 1/2000 (Thành Sơn, Sơn Lâm, Sơn Bình và Ba Cụm Bắc). Nhưng chưa tổ chức triển khai cắm mốc được do tỉnh chưa bố trí kinh phí.

b) Lập đề án xây dựng NTM:

Ban chỉ đạo NTM huyện chỉ đạo UBND các xã, phòng Kinh tế - Hạ tầng thuê đơn vị tư vấn lập đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới cho 07/07 xã trên địa bàn huyện. UBND huyện đã phê duyệt đồ án quy hoạch cho 7 xã đạt 100% kế hoạch đề ra.

6. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân

a) Kết quả thực hiện công tác phát triển sản xuất:

Xác định mục tiêu của chương trình xây dựng nông thôn mới là nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân là nhiệm vụ hàng đầu ,đồng thời là một trong những tiêu chí khó thực hiện nhất. Nên công tác phát triển sản xuất được BCĐ các cấp tập trung quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện. Trong 5 năm đã hỗ trợ phát triển sản xuất cho 648 hộ, 4 tổ hợp tác và 1 trang trại, với tổng kinh phí hỗ trợ phát triển sản xuất năm 2013 - 2015 là: 4.890 triệu đồng, bao gồm:

+ Ngân sách cấp tỉnh : 3.073 triệu đồng.

+ Vốn hộ, chủ trang trại : 1.467 triệu đồng.

+ Vốn ngân sách TW là : 350 triệu đồng.

Bên cạnh đó, ngoài nguồn vốn ngân sách hỗ trợ phát triển sản xuất, được sự quan tâm của Ngân hàng nông nghiệp huyện đã triển khai cho người dân vây vốn tín dụng từ ngân hàng để phát triển sản xuất trong 5 năm tổng số vốn cho vay tín dụng để phát triển sản xuất là: 46.025 triệu đồng cho 204 hộ dân (trong đó cho vay ở xã điểm Sơn Bình là:15.127 triệu đồng cho 87 hộ). Từ nguồn vốn vay tín dụng người dân đã đầu tư mở rộng phát triển chăn nuôi, sản xuất, góp phần thực hiện nhằm đạt các tiêu chí về: Thu nhập, hộ nghèo, nhà ở dân cư. Qua triển khai vốn hỗ trợ phát triển sản xuất đã phát huy hiệu quả các mô hình tạo những bước chuyển biến tích cực trong công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, chuyển dịch cơ cấu kinh tế sản xuất nông – lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, tập trung, nhằm mang lại hiệu quả kinh tế, có tính bền vững góp phần duy trì và phát triển rộng các mô hình kinh tế hiệu quả. Các mô hình phát triển sản xuất có hiệu quả được tập trung nhân rộng. Một số mô hình hỗ trợ phát triển đã mang lại hiệu quả kinh tế và được nhân rộng như: Mô hình trồng Mía tím xã Sơn Hiệp và xã Ba Cụm Nam ; mô hình hỗ trợ bò sinh sản xã Thành sơn, Sơn Lâm, Mô hình Hồ Tiêu, Cà phê xã Sơn Bình bước đầu đã cho thu hoạch, mô hình chăn nuôi heo, cà phê xã Sơn Trung. Qua quá trình thực hiện và phát triển các địa phương bước đầu đã hình thành được vùng hàng hóa và cây thế mạnh của địa phương mình nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong đầu ra của sản phẩm như: Vùng chuối xã Thành Sơn, Vùng cây ăn quả xã Sơn Bình, cây mía tím Sơn Hiệp, Cây tiêu và cà phê Sơn Trung, Sơn Lâm vv...

b) Kết quả thực hiện công tác đào tạo nghề, chuyển giao khoa học kỹ thuật

Thực hiện chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn, trong 5 năm đã mở được 42 lớp đào tạo nghề (22 lớp học nghề nông nghiệp và 20 lớp phi nông nghiệp) với tổng kinh phí 1,925 tỷ đồng, đã giải quyết việc làm cho 843 lao động (phi nông nghiệp 300 lao động; nông nghiệp 543 lao động). Các nội dung đào tạo tập trung chủ yếu như: Nấu ăn, kỹ thuật xây dựng, kỹ thuật may, kỹ thuật trồng và chăm sóc cây lúa nước, kỹ thuật trồng và chăm sóc cây ăn quả và cây công nghiệp, kỹ thuật chăn nuôi; Song song với công tác dạy nghề trong 5 năm tổ chức được 193 lớp chuyển giao khoa học kỹ thuật cho 6.680 lượt người tham dự; Tư vấn hỗ trợ thành lập 12 hợp tác xã. Hỗ trợ thực hiện 21 mô hình phát triển sản xuất (chăn nuôi bò, heo; trồng cây ăn quả Sầu riêng, chôm chôm, bưởi da xanh, Mít; Trồng mía tím, chăn nuôi gà thịt; nuôi cá,...), và thực hiện một số đề tài chuyển giao và ứng dụng KHKT cấp tỉnh về cây Sầu riêng, cây mía tím, cây tiêu, cây cà phê và Ngô chịu hạn.

Nhìn chung qua công tác đào tạo nghề và chuyển giao KHKT bước đầu đã phát huy hiệu quả cho trên 300 lao động qua đào tạo đã được làm việc ở một số công ty, doanh nghiệp; trên 500 lao động qua đào tạo có việc làm ổn định; Nông dân từng bước biết áp dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm tăng thu nhập cho lao động nông thôn góp phần đạt tiêu chí: Tỉ lệ lao động qua đào tạo. Nâng cao thu nhập cho người dân luôn được các cấp quan tâm chú trọng và đã đề ra mục tiêu cụ thể đưa vào đề án thực hiện Chương trình nông thôn mới gắn với chuyển đổi cao cây trồng có giá trị kinh tế cao phù hợp với khí hậu, thổ nhưỡng, nước tưới, góp phần đạt nhóm tiêu chí về kinh tế và tổ chức sản xuất (thu nhập, tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên, hộ nghèo và hình thức tổ chức sản xuất).

Trong 5 năm qua đã đạt được những kết quả như sau: Nông nghiệp từng bước phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá, nâng cao năng suất, chất lượng nhiều loại cây trồng, vật nuôi được nâng lên. Bộ mặt nông thôn có nhiều thay đổi, đời sống vật chất tinh thần của nông dân ngày càng được cải thiện.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được cũng còn một số hạn chế như sau: Phát triển sản xuất nông nghiệp chưa bền vững, quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, manh mún, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất còn nhiều hạn chế. Nguồn lực đầu tư cho phát triển sản xuất còn ít, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đổi mới phương thức trong sản xuất nông nghiệp còn chậm. Ngành nghề nông thôn phát triển chậm chưa thúc đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động trong nông thôn.

3) Đánh giá chung về mức độ đạt theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia theo từng nhóm tiêu chí:

+ ***Thu Nhập*:** Chi cục thống kê huyện đã tham mưu BCĐ tập huấn cho BCĐ nông thôn mới các xã về điều tra thống kê thu nhập, qua khảo sát hiện nay 7/7 xã chưa đạt; Thu nhập bình quân/người/năm chỉ 15 triệu đồng rất thấp so với quy định là 23 triệu đồng.

Nguyên nhân là huyện miền núi, đời sống người dân gặp nhiều khó khăn, thu nhập chủ yếu dự vào sản xuất nông nghiệp; để đạt được tiêu chí này cần làm tốt công tác hỗ trợ phát triển sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới phương thức sản xuất, áp dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất, tăng cường công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn; huy động các nguồn lực đầu tư vào sản xuất nông nghiệp.

+ ***Hộ nghèo*** : Đầu nhiệm kỳ 2010-2015 số hộ nghèo trên địa bàn huyện Khánh Sơn là 2.117 hộ chiếm tỷ lệ 40,02% nhưng đến đầu năm 2015 còn 17,01%. Bình quân hàng năm tỷ lệ hộ nghèo giảm hơn 4,8%. Tuy nhiên hiện nay 7/7 xã chưa đạt tiêu chí này, dự kiến tính đến cuối năm 2015 cụ thể như sau:

TT	Xã	Số hộ	Tỉ lệ	Ghi chú
01	Thành Sơn	233	37,17	
02	Sơn Lâm	43	5,49	
03	Sơn Bình	44	5,55	
04	Sơn Hiệp	67	13,81	
05	Sơn Trung	69	9,62	
06	Ba Cụm Bắc	223	19,17	
07	Ba Cụm Nam	71	19,19	

Nguyên nhân chưa đạt:

+ Nguồn lực đầu tư cho công tác xóa đói giảm nghèo còn hạn chế, mặc dù có nhiều dự án, chương trình giảm nghèo nhưng cơ chế phân cấp quản lý và lồng ghép còn chồng chéo giữa các chương trình dự án giảm nghèo nên dẫn đến hiệu quả không cao trong việc sử dụng các nguồn lực cho giảm nghèo, đồng thời phát sinh vấn đề phức tạp và mất nhiều thời gian cho các cơ quan đối với việc quản lý thực hiện công tác giảm nghèo.

+ Các chính sách hỗ trợ người nghèo của các chương trình giảm nghèo chưa được coi trọng. Chưa có chính sách khuyến khích và hỗ trợ người nghèo, cận nghèo, để giúp họ chủ động vươn lên thoát nghèo, làm giàu.

+ Đa số hộ nghèo còn lại của các xã là hộ nghèo thuộc đối tượng bảo trợ xã hội, người già cao tuổi, neo đơn, không có sức khỏe cũng như nhân lực để lao động. Vì vậy không có khả năng thoát nghèo, cần có cơ chế chính sách đặc thù cho đối tượng này.

+ ***Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên*:** Thông qua việc thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương từ năm 2011 đến nay đã giải quyết việc làm mới cho 5.000 lao động (bình quân 01 năm hơn 1.000 lao động). Lao động trong các lĩnh vực như nông, lâm, thương mại, dịch vụ được chuyển dịch theo đúng định hướng của huyện, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề tăng dần qua các năm. Hàng năm đều tạo việc làm mới cho trên 1.000 lao động đạt và vượt các chỉ tiêu, đến nay trên địa bàn huyện chỉ có 3/7 xã đạt tiêu chí này;

Nguyên nhân: Hình thức dạy nghề chưa phù hợp, chưa góp phần thay đổi tập quán sản xuất lạc hậu của người dân. Lao động nông thôn chủ yếu là chưa qua đào tạo, không có tay nghề, nên rất khó tạo được việc làm tại chỗ cũng như tham gia thị trường lao động trong và ngoài nước.

4) Về phát triển cơ sở hạ tầng (nhóm tiêu chí Hạ tầng kinh tế - xã hội):

+ *Chợ :* Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân trong việc mua bán và trao đổi hàng hóa đã đầu tư nâng cấp chợ Sơn Bình và Chợ xã Sơn Lâm với tổng kinh phí 1,15 tỷ đồng; Theo quy định 823 của UBND tỉnh do đặc thù huyện miền núi địa bàn chia cắt, dân cư ít không nhất thiết xã nào cũng có chợ và cho phép sử dụng chung: Xã Ba Cụm Nam, Ba Cụm Bắc, Sơn Trung dùng chung Chợ Tô Hạp; Sơn hiệp dùng chung Chợ Sơn Bình; Thành Sơn dùng chung chợ Sơn Lâm). Tiêu chí này 6/7 xã đạt (xã Sơn Hiệp chưa đạt)

+ *Thủy lợi:* Công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp, góp phần quan trọng làm tăng năng suất, sản lượng, chất lượng sản phẩm nông nghiệp, cấp nước dân sinh và đồng thời cũng góp phần phòng chống và giảm nhẹ thiên tai. Từ nguồn vốn chương trình nông thôn mới lồng ghép với chương trình kiên cố hóa kênh mương đã đầu tư xây dựng 23 công trình đập và kênh mương nội đồng với tổng kinh phí trên 11,733 tỷ đồng, nâng cấp, sửa chữa, nạo vét 26 km kênh mương nội đồng đã đáp ứng được nhu cầu tươi tiêu phục vụ cho sản xuất nông nghiệp (tưới tiêu cho 146ha lúa nước, trên 300ha mía tím và 500ha cây công nghiệp và cây ăn quả khác) góp phần khắc phục được tình trạng khô hạn do biến đổi thời tiết khí hậu hiện nay.

+ *Điện:* Đầu tư phủ điện vùng lõm trên địa bàn được quan tâm cải tạo, góp phần nâng cao chất lượng, đảm bảo an toàn, phục vụ tốt cho sản xuất và sinh hoạt; tỷ lệ hộ sử dụng điện toàn huyện đến nay đạt 98%;

+ *Giao thông:* Nhằm phát triển bộ mặt nông thôn và tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân đi lại và vận chuyển hàng hóa. Trong 5 năm qua thực hiện chương trình NTM đã đầu tư xây dựng mới và nâng cấp 48 công trình giao thông nông thôn các loại với tổng chiều dài trên 25 km kinh phí đầu tư trên 35 tỷ đồng, góp phần ngày càng hoàn thiện hệ thống giao thông trục xã, trục thôn, xóm và trục nội đồng, bên cạnh đó thực hiện các Chương trình phát triển KT-XH miền núi, chương trình 135, Chương trình giao thông nông thôn đã tập trung đầu tư phát triển giao thông nội vùng, hình thành hệ thống đường giao thông thông suốt giữa các khu vực dân cư, từ thôn, xã, khu vực sản xuất, số km đường kiên cố hóa. Xây dựng các công trình GTNT đã phát huy rất hiệu quả. Đến nay 01/7 xã đạt chuẩn (Thành Sơn); 06/7 xã chưa đạt; Hiện nay cơ bản giao thông trên địa bàn huyện, trục xã,

liên xã đã đạt chuẩn 100%, tỷ lệ km đường trục thôn đã đạt chuẩn trên 90%; tỷ lệ đường ngõ xóm được cứng hóa không lầy lội vào mùa mưa đạt 62% chưa đạt chuẩn (quy định 70%); tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đạt 40% (quy định 70%); để đạt được tiêu chí này một số xã cần đầu tư thêm tiêu chí con là tuyến đường ngõ xóm và trục nội đồng trên các tuyến hiện hữu đã có.

+ *Trường học:* Trong 05 năm qua đã xây dựng và thành lập mới thêm 03 trường (Trường THCS Sơn Bình, trường PTCS Thành Sơn và trường PTCS Ba Cụm Nam), đã đầu tư xây dựng mới trên 20 phòng học và tu sửa trên 30 phòng với tổng kinh phí trên 16,999 tỷ đồng. Hệ thống trường mầm non cũng được củng cố và đầu tư nâng cấp, tính đến nay đã có 04/09 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia và 06/09 trường có CSVC đạt chuẩn. Về tiêu chí trường học hiện nay đã có 02/07 xã đạt (xã Ba Cụm Nam, Thành Sơn) , 05 xã còn lại chưa đạt với lý do ở một số trường học diện tích đất chưa đủ chuẩn, thiếu các phòng học chức năng nhất là ở cấp tiểu học.

Đánh giá mức độ đạt tiêu chí Nhà ở dân cư:

Nhằm xóa nhà tạm trong 5 năm huyện đã lồng ghép nhiều nguồn vốn đã đầu tư xây dựng 323 căn nhà cho các hộ có hoàn cảnh khó khăn với tổng kinh phí 6,5 tỷ đồng. Tuy nhiên đến nay 7/7 xã vẫn chưa đạt chuẩn, đây lại là một trong những tiêu chí rất khó đạt đối với huyện Khánh Sơn vì hiện nay tỷ lệ nhà tạm còn quá cao $829^{\text{Nhà tạm}}/4.276^{\text{Nhà}}$ trên toàn huyện. Do vậy, các cấp các ngành và người dân phải hết sức nỗ lực mới đạt được tiêu chí này.

5. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hoá và bảo vệ môi trường

- Giáo dục: Những năm qua huyện đã tập trung đầu tư phát triển giáo dục, bức tranh giáo dục có nhiều đổi mới, chất lượng giáo dục ngày càng được nâng lên và đã đạt được những kết quả nhất định như: 100% xã đã đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục trung học cơ sở; Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS hàng năm đạt trên 90%; Tỷ lệ thanh, thiếu niên từ 15 đến 18 tuổi có bằng tốt nghiệp THCS (bao gồm cả hệ phổ cập) đạt trên 80%; Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục được học lên bậc học cao đạt trên 85%; Tuy nhiên tỉ lệ lao động qua đào tạo ở các xã nhìn chung vẫn còn thấp so với quy định (trên 35%), đây là chỉ số trở ngại lớn cho tiêu chí giáo dục, đòi hỏi cần có giải pháp khắc phục có hiệu quả.

***+ Môi trường*:** Công tác môi trường luôn được các cơ quan, ban ngành quan tâm tuyên truyền vận động người dân. Thực hiện Chương trình NTM và lồng ghép với chương trình nước sạch nông thôn, trong 5 năm đã đầu tư xây dựng 8 hệ thống cấp nước sinh hoạt với tổng kinh phí 13,525 tỷ đồng, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh của người dân, Các cơ sở kinh doanh trên địa bàn huyện đều đạt tiêu chuẩn về môi trường; Bằng nguồn vốn sự nghiệp môi trường huyện đã quy hoạch và xây dựng được 05 bãi xử lý rác thải sinh hoạt với tổng kinh phí trên 3 tỷ đồng, phục vụ công tác xử lý chất thải sinh hoạt tập trung tại 05 xã gồm: Sơn Trung, Ba Cụm Bắc, Sơn Lâm, Sơn Bình và Sơn Hiệp. Hiện nay 02 xã (Sơn Bình, Sơn Lâm) thực hiện mô hình điểm về thu gom rác thải sinh hoạt tự quản.

+Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh trên địa bàn huyện là 78,7% chưa đạt so với quy định 85%, là do hầu hết các hệ thống nước tự chảy được đầu tư từ trước, nên quy mô thiết kế nhỏ, không có hệ thống xử lý nước so với nhu cầu và mật độ dân số hiện nay thì không còn phù hợp. Vì vậy để đạt được tiêu chí con này trong thời gian tới cần phải đầu tư nâng cấp mở rộng quy mô, lắp đặt hệ thống xử lý nước đảm bảo nước hợp vệ sinh;

+Về nghĩa trang: Thống kê cho thấy trên địa bàn các xã đang tồn tại rất nhiều nghĩa trang nhỏ lẻ nằm rải rác tại các khu vườn đồi và khu dân cư. Mặc dù các xã đã có quy hoạch đất để xây dựng nghĩa trang, nhưng do chưa có kinh phí để đền bù, giải tỏa để đầu tư xây dựng.

Về tiêu chí môi trường, hiện nay 1/7 xã đạt chuẩn (xã Sơn Bình); các xã còn lại chưa đạt là do tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh chưa đạt và Nghĩa trang chưa đạt chuẩn;

- Tiêu chí Y tế: Hiện nay 7/7 xã chưa đạt chuẩn. Nguyên nhân chính là tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm tăng trên 13% và tỷ lệ phụ nữ sinh con thứ 3 trở lên trên 17%;

Bên cạnh đó một số tiêu chí con như tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh còn thấp < 75%, tỷ lệ trẻ em < 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng/tuổi) > 21% và thiếu bác sỹ ở các Trạm Y tế xã. Để đạt được tiêu chí này cần thực hiện tốt công tác dân số kế hoạch hóa gia đình, làm tốt công tác tuyên truyền vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế, có cơ chế chính sách thu hút Y bác sỹ về làm việc tại các trạm Y tế xã.

- Tiêu chí Văn hóa & CSVC văn hóa: Hoạt động văn hóa văn nghệ vẫn được duy trì thường xuyên phục vụ nhu cầu người dân trong huyện. Phong trào Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa được quan tâm đẩy mạnh thông qua việc phát động phong trào và tập huấn, tuyên truyền. Hiện nay 7/7 xã đạt chuẩn về tiêu chí văn hóa, nhưng về tiêu chí CSVC văn hóa thì chưa đạt chuẩn, vì chưa được đầu tư đúng mức. Để đạt được tiêu chí CSVC văn hóa cần đầu tư mở rộng diện tích nên kinh phí đền bù giải tỏa rất lớn, nhưng nguồn kinh phí từ ngân sách đầu tư cho tiêu chí này còn rất hạn chế. Vì vậy các xã cần quan tâm công tác vận động người dân hiến đất, huy động nguồn lực xã hội khác để hoàn thành tiêu chí.

6. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và gìn giữ an ninh, trật tự xã hội

- Về hệ thống tổ chức chính trị xã hội: Công tác đào tạo chuẩn hóa đội ngũ cán bộ xã được các ngành, các cấp quan tâm thực hiện. Thường xuyên đào tạo tập huấn nâng cao trình độ năng lực các bộ cấp xã. Các tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn các xã tiếp tục được kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động. Tất cả các xã đều có hệ thống tổ chức theo quy định.

- Về an ninh trật tự xã hội: Thực hiện Nghị quyết huyện Đảng bộ và chủ trương của Đảng về xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân ngày càng vững mạnh. Ban chỉ huy quân sự huyện, Công an huyện thường xuyên kiện toàn tổ chức, xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh về

chính trị, tư tưởng và tổ chức, phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, mở các đợt tấn công trấn áp tội phạm, thường xuyên tuần tra an toàn giao thông đường bộ; duy trì nghiêm chế độ trực sãn sàng chiến đấu, triển khai tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh đảm bảo tốt an ninh chính trị trên địa bàn huyện.

- Tiêu chí hệ thống tổ chức chính trị xã hội: 01/7 xã chưa đạt chuẩn, nguyên nhân là cán bộ công chức cấp xã chưa đạt chuẩn. Do đặc thù huyện miền núi một số cán bộ người địa phương tuy có tinh thần, nhiệt tình trong công tác nhưng học vấn chưa đạt chuẩn, bên cạnh đó các cấp Ủy đảng qua các kỳ Đại hội chưa mạnh dạn thay đổi nhân sự do vậy đến nay 07/7 xã cán bộ công chức vẫn chưa đạt chuẩn.

- Tiêu chí về an ninh trật tự xã hội **:** 7/7 xã đạt chuẩn về an ninh trật tự xã hội; An ninh, trật tự xã hội được giữ vững. Không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống Đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế; truyền đạo trái pháp luật, không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội và các tệ nạn xã hội trên địa bàn huyện. Trên 70% số thôn được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT; Công an các xã hàng năm đạt danh hiệu tiên tiến trở lên.

7. Về huy động nguồn lực

a) Kết quả huy động các nguồn lực để thực hiện Chương trình

- Trong giai đoạn (2011-2015) Tổng huy động nguồn lực đầu tư trực tiếp cho chương trình là: 78.289 triệu đồng (xây dựng cơ sở hạ tầng 72.921 triệu đồng; Hỗ trợ phát triển sản xuất 4.890 triệu đồng; tập huấn tuyên truyền 478 triệu đồng);

Cơ cấu vốn như sau:

- Ngân sách Trung ương (TPCP) : 18.056 triệu đồng;
- Ngân sách địa phương (Tỉnh và huyện) : 58.766 triệu đồng;
- Nhân dân đóng góp : 1.467 triệu đồng;
- ***Cụ thể từng năm như sau:***

Năm	Tổng	Trong đó				
		Ngân sách TW	Ngân sách địa phương			Dân đóng góp
			Tổng	tỉnh	huyện, xã	
2011	6.696		6.696	6.696		
2012	7.555		7.555	7.486	69	
2013	19.517	75	19.022	15.866	3.156	420
2014	23.045	8.531	14.019	12.621	1.398	495

2015	21.476	9.450	11.474	7.131	4.343	552
Tổng	**78.289**	**18.056**	**58.766**	**49.800**	**8.966**	**1.467**

(số liệu chi tiết theo Mẫu biểu số 01/TK và 02/TK kèm theo)

b) Kết quả thực hiện vốn đầu tư theo nội dung:

Trong 5 năm tổng số vốn đầu tư trực tiếp cho chương trình theo từng nội dung, tiêu chí cụ thể, với tổng kinh phí 78.289 triệu đồng (trong đó : đầu tư CSHT 72.921 triệu đồng; Hỗ trợ PTSX 4.890 triệu đồng; chi phí quản lý, tập huấn tuyên truyền 478 triệu đồng, cụ thể theo nội dung đầu tư:

- Quy hoạch : 2.213 triệu đồng;
- Giao thông nông thôn : 35.558 triệu đồng;
- Thủy lợi : 2.239 triệu đồng;
- Nước sinh hoạt nông thôn : 13.525 triệu đồng;
- Văn hóa, CSVC văn hóa : 1.307 triệu đồng;
- Công trình Chợ : 1.080 triệu đồng;
- Công trình Trường học : 16.999 triệu đồng;
- Hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập: 4.890 triệu đồng;
- Chi phí quản lý ,Tập huấn, tuyên truyền : 478 triệu đồng;

(Bổ sung số liệu chi tiết theo Mẫu biểu số 03/TK gửi kèm)

7. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới

Qua kết quả tuyên truyền vận động và đầu tư, hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng trong 05 năm đã góp phần tạo ra sự chuyển biến rõ rệt về thực trạng nông thôn mới trên địa bàn huyện đến 12/ 2015 kết quả đạt cụ thể như sau:

- 01 xã đạt 13 tiêu chí (Sơn Bình)
- 02 xã đạt 10 tiêu chí (Sơn Lâm; Ba Cụm Bắc)
- 04 xã đạt 09 tiêu chí (Thành Sơn; Sơn Hiệp; Sơn Trung ; Ba Cụm Nam)

(Bổ sung số liệu chi tiết theo Mẫu biểu số 04a/TK và 04b/TK kèm theo)

II. Đánh giá chung

1. Những kết quả nổi bậc đã đạt được khi triển khai Chương trình

Nhìn chung qua 05 năm thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới đã thực hiện tôt Nghị quyết ; Chương trình đã đạt được các mục tiêu của Nghị quyết đã đề ra trong điều kiện thực hiện với nguồn kinh phí còn hạn chế.

- Các cấp ủy chính quyền và hệ thống chính trị đã tích cực chủ động sáng tạo trong triển khai thực hiện. Bộ máy thực hiện chương trình đã được hình thành khá đồng bộ; một số cơ chế chính sách được ban hành, đặc biệt là cơ chế hỗ trợ phát

triển sản xuất, bước đầu đã phát huy hiệu quả thiết thực trong thực hiện Chương trình.

- Nhận thức của phần lớn cán bộ và người dân về xây dựng nông thôn mới đã có chuyển biến rõ rệt . Xây dựng nông thôn mới đã trở thành phong trào rộng khắp trong toàn huyện. Dân chủ ở cơ sở được nâng cao hơn, ý thức trách nhiệm của người dân tham gia Chương trình có trách nhiệm hơn.

- Bộ mặt nông thôn được đổi mới, văn minh hơn, cơ sở hạ tầng thiết yếu được nâng lên, hệ thống chính trị tiếp tục được cũng cố. Đã hình thành được một số vùng sản xuất , và một số cây có giá trị kinh tế cao, thị trường đầu ra ổn định,

2. Những hạn chế tồn tại và nguyên nhân

a. Hạn chế tồn tại

- Đến nay các địa phương đạt một số tiêu chí. Tuy nhiên đến nay Chương trình không đạt được mục tiêu mà Nghị quyết đã đề ra. Tốc độ xây dựng nông thôn mới còn chậm.

- Các địa phương mới tập trung chủ yếu cho xây dựng cơ sở hạ tần; về phát triển sản xuất nâng cao thu nhập, cải thiện môi trường chưa thực sự chuyển biến mạnh.

b. Nguyên nhân chủ yếu

- Do điểm xuất phát thấp, tỷ lệ hộ nghèo cao.

- Do nguồn lực đầu tư từ ngân sách cho Chương trình còn thấp, trong khi khả năng đóng góp của người dân còn hạn chế .

- Chưa có chính sách phù hợp thu hút Doanh nghiệp đầu tư vào miền núi.

- Nguồn vốn đầu tư cho phát triển sản xuất còn thấp so với nhu cầu của người dân

- Nguồn vốn vay để đầu tư sản xuất phát triển nông nghiệp còn gặp khó khăn thủ tục vay vốn lại phức tạp, người dân ít tiếp cận được vốn.

- Tỉ lệ Hộ nghèo còn cao.

3. Bài học kinh nghiệm:

- Cần làm tốt hơn nữa công tác tuyên truyền sâu rộng để nâng cao nhận thức trong cán bộ đảng viên và nhân dân .

- Địa phương nào làm tốt công tác tuyên truyền, vận động với nội dung phong phú thì nơi đó người dân chung tay xây dựng nông thôn mới càng đạt.

- Nơi nào Cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm đến Chương trình thì nơi đó kết quả đạt các tiêu chí cao.

PHẦN THỨ HAI
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

Xây dựng nông thôn mới huyện Khánh Sơn nhằm đạt mục tiêu: Kinh tế phát triển, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; xây dựng hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; chuyển dịch cơ cấu kinh tế và các hình thức sản xuất phát triển phù hợp với người dân gắn với bản sắc văn hóa dân tộc; nâng cao dân trí, môi trường sinh thái được giữ vững, tỉ lệ hộ nghèo giảm nhanh hàng năm, an ninh trật tự được giữ vững, tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh.

Phấn đấu đến năm 2020 huyện Khánh Sơn có 02 xã đạt 19 tiêu chí, các xã còn lại đạt 15 tiêu chí trở lên.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phấn đấu đến năm 2020 có 2/7 xã đạt chuẩn nông thôn mới cụ thể: Các xã còn lại phấn đấu đạt từ 15 tiêu chí trở lên, bao gồm Chi tiết như sau:

Năm	Thành Sơn	Sơn Lâm	Sơn Bình	Sơn Hiệp	Sơn Trung	Ba Cụm Bắc	Ba Cụm Nam
Năm 2015	09	10	13	09	09	10	09
Năm 2016	12	13	14	11	11	11	11
Năm 2017	12	12	15	13	12	12	12
Năm 2018	13	13	16	14	13	13	13
Năm 2019	14	14	17	15	14	14	14
Năm 2020	15	15	19	16	15	15	15

Một số chỉ tiêu cơ bản phấn đấu đến năm 2020:

- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế: >95%.
- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh: >85%.

II. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

-Kế hoạch vốn đầu tư cho chương trình giai đoạn 2016-2020: 265.121 triệu đồng:

+Ngân sách TW : 27.824 triệu đồng
+ Ngân sách tỉnh : 167.893 triệu đồng.
+ Ngân sách huyện : 32.355 triệu đồng.
+ Ngân sách xã : 33.545 triệu đồng

+ Dân đóng góp : 3.504 triệu đồng.

Trong đó :

- Giao thông : 140.391 triệu đồng;
- Thủy lợi : 25.000 triệu đồng;
- Văn hóa, 03 trụ sở UBND : 44.633 triệu đồng;
- Nhà ở dân cư (Khu tái định cư) : 27.808 triệu đồng
- Nước sinh hoạt nông thôn : 10.739 triệu đồng;
- Hình thức tổ chức sản xuất cánh đồng mẫu : 4.000 triệu đồng;
- Môi trường : 1.700 triệu đồng;

III. CÁC GIẢI PHÁP, CHÍNH SÁCH THỰC HIỆN

1. Công tác quản lý, chỉ đạo chương trình:

Tiếp tục kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của BCĐ chương trình XD NTM từ huyện đến xã. Chỉ đạo UBND các xã tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về chủ trương; có kế hoạch kiểm tra, giám sát thực hiện thường xuyên và có hiệu quả, tập trung đi sâu và công tác phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân; giữ vững số tiêu chí đã đạt được nhất là các tiêu chí khó bền vững như hình thức tổ chức sản xuất, giáo dục, văn hóa và an ninh xã hội.

Tổ chức học tập kinh nghiệm về công tác triển khai thực hiện Chương trình XDNTM tại các địa phương tiêu biểu trong và ngoài tỉnh.

2. Công tác tuyên truyền, tập huấn

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về mục tiêu Chương trình xây dựng nông thôn mới trong cán bộ, đảng viên và nhân dân bằng nhiều hình thức để người dân hiểu rõ mục đích, lợi ích, cách làm, cơ chế chính sách của nhà nước về xây dựng nông thôn mới ; huy động nội lực từ trong nhân dân là chính, từ đó đồng tâm, chung sức, tự giác, chủ động tham gia; tăng cường tuyên truyền bằng hình ảnh trực quan sinh động, bằng những hình ảnh người thật, việc thật để góp phần thực hiện đổi mới diện mạo nông thôn.

- Tiếp tục đẩy mạnh, đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền về các nội dung của Chương trình, trong đó: Tập trung tuyên truyền sâu rộng cơ chế, chính sách mới, về mô hình phát triển sản xuất, môi trường; tuyên truyền điển hình trong cách làm hay, kinh nghiệm tốt,...; gắn tuyên truyền với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" và phong trào toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới phải quyết liệt, kiên trì duy trì phong trào đã phát động.

- Huy động của cả hệ thống chính trị tham gia vào Chương trình; tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động đồng thời phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể nhân dân các cấp; tăng cường công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành trong việc tham gia thực hiện Chương trình.

3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân:

Thực hiện phát triển nhiều mô hình sản xuất tiêu biểu, đạt hiệu quả cao, gắn kết với công tác vận động người dân làm vườn liên doanh liên kết thành tổ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, tổ liên kết thu mua các mặt hàng nông sản như cà phê, tiêu, sầu riêng, mía tím… nhằm tạo điều kiện cho người dân trên địa bàn tăng thu nhập, giảm chi phí vận chuyển…

Triển khai thực hiện kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc nguồn vốn chương trình nông thôn mới; tăng cường công tác tổ chức khuyến nông, khuyến ngư, tập huấn, hỗ trợ các tổ chức Hợp tác xã, Tổ hợp tác; Tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Hình thành vùng chuyên canh cây trồng, xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm nông sản có giá trị kinh tế cao giá trị sản phẩm, tăng thu nhập cho người dân trên địa bàn huyện.

Công tác giảm nghèo: Tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách giảm nghèo bền vững, tập trung ưu tiên hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập. Lãnh đạo địa phương cần phối hợp với các ban ngành, hội đoàn thể để có các giải pháp kế hoạch, các mô hình ứng dụng, các đề án sản xuất áp dụng khoa học - kỹ thuật nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập giảm nghèo cho người dân.

4. Về tập trung nguồn lực, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn

- Xác định các dự án theo thứ tự ưu tiên trên cơ sở phân chia nguồn ngân sách, vốn huy động để triển khai dự án được kịp thời, hiệu quả xác định xã tập trung đầu tư đạt chuẩn.

- Tích cực tranh thủ sự đầu tư các nguồn vốn của các chương trình, chú ý huy động sức đóng góp của nhân dân tham gia tích cực; trên cơ sở đầu tư hỗ trợ của nhà nước; đồng thời làm tốt công tác vận động các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn, cùng chung tay xây dựng nông thôn mới. Tập trung đầu tư theo thứ tự ưu tiên trước cho những công trình mang lợi ích cho cộng đồng; chú trọng đẩy mạnh phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân.

- Tổ chức triển khai thực hiện đầu tư lồng ghép các nguồn vốn thuộc các Chương trình, dự án có liên quan trên địa bàn là rất cần thiết; Chương trình phát triển nguồn nhân lực; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Nước sạch và vệ sinh môi trường; kiên cố hóa trường học ; kênh mương thủy lợi; giao thông nông thôn; đầu tư chiều sâu về sở vật chất về văn hóa; đưa thông tin về cơ sở; đẩy mạnh thực hiện tốt quyết định 1956 của chính phủ về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn và tạo viêc làm mới việc làm; y tế; khắc phục và cải thiện ô nhiễm môi trường; phòng chống ma túy và phòng chống tội phạm. Các chương dự án hỗ trợ có mục tiêu khác.

III. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm các phòng, ban ngành :

- Phòng Nông nghiệp và PTNT : Có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các phòng, ban liên quan rà soát chuyển đổi cây trồng, vật nuôi phù hợp với địa

phương, nhân rộng các mô hình sản xuất phù hợp, hiệu quả trong thực tiễn đến các xã trên địa bàn huyện.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch : Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng giáo dục và các phòng, ban liên quan, UBND các xã khi tham mưu phân bổ các nguồn vốn lồng ghép : Chương trình phát triển nguồn nhân lực, Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em dưới 5 tuổi, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội miền núi, tín dụng đầu tư kiên cố hóa kênh mương và đường giao thông nông thôn, vốn sửa chữa giao thông, y tế, giáo dục… phải theo thứ tự ưu tiên để đạt mục tiêu của Chương trình.

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng : Có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Phòng Tài chính – KH, Phòng Nông nghiệp và PTNT đề xuất ưu tiên bố trí nguồn kinh phí nghiên cứu, chuyển giao các đề tài khoa học tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp góp phần tạo điều kiện cho nông nghiệp phát triển bền vững và tạo ra giá trị tăng cao đối với các sản phẩm có ưu thế phát triển. Đẩy mạnh việc xây dựng, phát triển các thương hiệu sản phẩm nông nghiệp như : Sầu riêng, bưởi da xanh… theo Chương trình phát triển thương hiệu các sản phẩm đặc trưng của tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016-2020. Có các chương trình, giải pháp đẩy mạnh công tác thông tin thị trường nhất là cam kết thương mại hàng nông, lâm sản.

- Các phòng, ban được phân công phụ trách các tiêu chí có trách nhiệm xây dựng kế hoach hướng dẫn cụ thể việc xây dựng lộ trình, thực hiện kế hoạch cho các xã xây dựng nông thôn mới, thường xuyên kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện theo kế hoạch về cho BCĐ.

2.Trách nhiệm của địa phương

- Tổ chức triển khai Chương trình trên địa bàn, phân công trách nhiệm cụ thể các thành viên trong Ban chỉ đạo, lồng ghép có hiệu quả các chương trình, dự án trên địa bàn, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc quản lý thực hiện Chương trình và thực hiện tốt chế độ báo cáo theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch phấn đấu, giải pháp, lộ trình đạt cụ thể từng tiêu chí của từng xã theo từng năm.

3. Huy động tham gia của các tổ chức đoàn thể

UBMTTQVN huyện và các tổ chức thành viên tích cực tham gia vào thực hiên Chương trình; có kế hoạch vân động và giải pháp cụ thể theo từng tiêu chí quan tâm đến xã điểm và đặc biệt các tiêu chi khó không cần đến nhiều kinh phí như : Tiêu chí Hộ nghèo, Thu nhập, Nhà ở dân cư …

Nơi nhận:
- TT huyện ủy, TT HĐND (b/c) ;
- CT và các Phó chủ tịch UBND ;
- Thành viên BCĐ ;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

BIỂU 3

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM 2016-2020 CỦA CẤP HUYỆN (BAO GỒM CẤP XÃ) THEO NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND CẤP HUYỆN (BAO GỒM CẤP XÃ) CHO Ý KIẾN LẦN THỨ TƯ

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Số TT	Tên dự án đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian khởi công-hoàn thành	Tổng nguồn vốn giai đoạn 2016-2020						Nhu cầu vốn đầu tư phát triển năm 2016-2020																												Ghi chú
										Năm 2016						Năm 2017						Năm 2018						Năm 2019						Năm 2020						
												Trong đó:						Trong đó:						Trong đó:						Trong đó:						Trong đó:						
				Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Đóng góp nhân dân	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Đóng góp nhân dân	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Đóng góp nhân dân	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Đóng góp nhân dân	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Đóng góp nhân dân	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Đóng góp nhân dân	
I	**Chương trình mục tiêu Quốc gia về XDNTM (Nguồn TPCP)**			**265,121**	**27,824**	**167,893**	**32,355**	**33,545**	**3,504**	**44,781**	**0**	**29,713**	**1,400**	**10,164**	**3,504**	**75,748**	**3,753**	**55,693**	**14,712**	**4,590**	**0**	**65,406**	**9,571**	**42,252**	**7,005**	**6,578**	**0**	**40,873**	**5,350**	**22,656**	**6,340**	**6,527**	**0**	**22,913**	**8,150**	**17,579**	**2,898**	**5,686**	**0**	
a	Xã Thành Sơn			24,111	5,270	13,158	1,350	3,968	365	3,623	0	2,170	0	1,088	365	6,194	0	5,294	900	0	0	8,294	2,120	4,644	450	1,080	0	3,500	1,400	1,950	0	1,050	0	2,500	1,750	0	0	750	0	
a.1	Giao thông			9,223	2,520	3,570	600	2,168	365	3,623	0	2,170	0	1,088	365	2,000	0	1,400	600	0	0	1,600	1,120	0	0	480	0	2,000	1,400	0	0	600	0	0	0	0	0	0	0	
1	Nâng cấp đường BTXM thôn Apa II đi cầu treo	Xã Thành Sơn	2016	600	0	360	0	180	60	600		360		180	60																									
2	Nâng cấp và nối tiếp đường BTXM thôn Tà Giang I	"	2016	700	0	420	0	210	70	700		420		210	70																									
3	Nối tiếp đường BTXM thôn Apa I	"	2016	823	0	490	0	248	85	823		490		248	85																									
4	Nối tiếp đường BTXM vào khu SX Apa 1 đi trạm y tế	"	2016	1,500	0	900	0	450	150	1500		900		450	150																									
5	Đường BTXM từ nhà cộng đồng Apa1 đi khu sản xuất Apa1	"	2017	1,000	0	700	300	0	0							1,000		700	300																					
6	Nối tiếp đường BTXM thôn Tà Giang 2 đi Tập đoàn 7	"	2017	1,000	0	700	300	0	0							1,000		700	300																					
7	Nâng cấp đường BTXM từ ngã ba thôn Tà Giang II đi Suối Chò	"	2018	1,600	1,120	0	0	480	0													1,600	1,120			480		2,000	1,400			600								
8	Nối đường bê tông đi khu sản xuất Apa 1	"	2019	2,000	1,400	0	0	600	0													500	0	350	0	150	0													
a.2	Môi trường			500	0	350	0	150	0													500		350		150													
1	Xây dựng nghĩa trang	"	2018	500	0	350	0	150														6,194	1,000	4,294	450	450	0													
a.3	Cơ sở vật chất văn hóa			9,388	1,000	7,488	450	450	0	0	0	0	0	0	0	3,194	0	3,194	0	0	0	3,194		3,194														
1	Trụ sở UBND xã Thành Sơn		2017-2018	6,388		6,388				0						3,194		3,194				3,000	1,000	1,100	450	450												
2	Nhà văn hóa khu thể thao xã	"	2018	3,000	1,000	1,100	450	450								1,000	0	700	300	0	0																	
a.4	Nước sinh hoạt nông thôn			1,000	0	700	300	0	0							1,000		700	300									1,500	0	1,050	0	450	0	2,500	1,750	0	0	750	0	
1	Mở rộng hệ thống nối mạng nước sinh hoạt thôn Apa2	"	2017	1,000	0	700	300	0																				1,500		1,050		450		2,500	1,750			750		
a.5	Thủy lợi			4,000	1,750	1,050	0	1,200	0																			1,500		1,050		450		2,500	1,750			750		
1	Nâng cấp kênh mương Apa 1	"	2019	1,500	0	1,050	0	450	0																			8,650	0	6,055	1,725	870	0	2,304	0	1,613	0	691	0	
2	Nâng cấp kênh mương Apa 2	"	2020	2,500	1,750	0	0	750	0																			2,150	0	1,505	0	645	0	2,304	0	1,613	0	691	0	
b	Xã Sơn Lâm			39,960	0	29,204	5,475	4,854	427	6,537	0	4,270	150	1,690	427	8,826	0	6,216	1,950	660	0	13,643	0	11,050	1,650	943	0	2,643	0	1,850	0	793	0							
b.1	Giao thông			13,434	0	9,098	300	3,609	427	4,337	0	2,730	0	1,180	427	2,000	0	1,400	300	300	0	2,643	0	1,850	0	793	0	2,150	0	1,505	0	645	0							
1	Đường BTXM thôn Du Oai (Trả nợ)	Xã Sơn Lâm	2015	70	0	70	0			70		70																												
2	Nối tiếp đường giao thông trục nội đồng thôn Cam Khánh	"	2016	870	0	522	0	261	87	870		522		261	87																									
3	Nối tiếp đường giao thông trục nội đồng thôn Ha Nit	"	2016	997	0	598	0	299	100	997		598		299	100																									
4	Đường từ Tỉnh lộ 9 vào nghĩa trang xã Sơn Lâm	"	2016	1,000	0	700	0	200	100	1,000		700		200	100																									
5	Đường trục nội đồng thôn Du Oai từ nhà ông Nguyễn Xuân Tùng đến nhà Ông Mầu Văn Toàn	"	2016	400	0	240	0	120	40	400		240		120	40																									
6	Đường BTXM thôn Cam Khánh	"	2016	1,000	0	600	0	300	100	1,000		600		300	100																									
7	Nối tiếp đường vào thôn Cô Rôa	"	2017	1,000	0	700	300	0	0							1,000		700	300																					

Số TT	Tên dự án đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian khởi công-hoàn thành	Tổng nguồn vốn giai đoạn 2016-2020						Nhu cầu vốn đầu tư phát triển năm 2016-2020																								Ghi chú
										Năm 2016						Năm 2017						Năm 2018						Năm 2019						Năm 2020						
											Trong đó:						Trong đó:						Trong đó:						Trong đó:						Trong đó:						
				Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Đóng góp nhân dân	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Đóng góp nhân dân	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Đóng góp nhân dân	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Đóng góp nhân dân	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Đóng góp nhân dân	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Đóng góp nhân dân	
8	Đường trục nội đồng thôn Du Oai từ nhà ông Đoàn Bá Lộc đi khu sản xuất	"	2017	1,000	0	700	0	300	0							1,000		700		300																		
9	Nối tiếp đường trục nội đồng thôn Cam Khánh	"	2018	733	0	513	0	220	0													733		513		220												
10	Nối tiếp đường trục nội đồng thôn Cam Khánh từ nhà bà Hồ Thị Nga vào khu sản xuất	"	2018	1,085	0	760	0	325	0													1,085		760		325												
11	Đường trục nội đồng thôn Cam Khánh từ nhà ông Vũ Thanh Hoa vào khu sản xuất	"	2018	825	0	577	0	248	0													825		577		248												
12	Đường trục nội đồng từ nhà ông Mai Văn Đấu đi vào khu sản xuất	"	2019	1,100	0	770	0	330	0																			1,100		770		330						
13	Đường trục nội đồng từ nhà ông Nguyễn Tấn Thạch vào khu sản xuất	"	2019	1,050	0	735	0	315	0																			1,050		735		315						
14	Đường liên thôn Du Oai đi thôn Cam Khánh	"	2020	1,167	0	817	0	350	0																									1,167		817		350		
15	Xây dựng cầu tràn đường liên thôn Du Oai đi thôn Cam Khánh	"	2020	1,137	0	796	0	341	0																									1,137		796		341		
b.2	**Cơ sở vật chất văn hóa**			**4,500**	**0**	**3,150**	**675**	**675**	**0**	**1,000**	**0**	**700**	**150**	**150**	**0**	**1,000**	**0**	**700**	**150**	**150**	**0**	**1,000**	**0**	**700**	**150**	**150**	**0**	**1,500**	**0**	**1,050**	**225**	**225**	**0**							
1	Nâng cấp nhà cộng đồng thôn Cam Khánh	"	2016	1,000	0	700	150	150	0	1,000		700	150	150																								
2	Nâng cấp nhà cộng đồng thôn Ha Nit	"	2017	1,000	0	700	150	150	0							1,000		700	150	150																		
3	Nâng cấp nhà cộng đồng thôn Cô Roa	"	2018	1,000	0	700	150	150	0													1,000		700	150	150												
4	Xây dựng Nhà văn hóa thiếu nhi xã	"	2019	1,500	0	1,050	225	225	0																			1,500		1,050	225	225						
b.3	**Cơ sở vật chất giáo dục**			**5,000**	**0**	**5,000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**5,000**	**0**	**5,000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**						
1	Trường mầm non Phong Lan	"	2018	5,000	0	5,000	0	0	0													5,000		5,000														
b.4	**Nước sinh hoạt nông thôn**			**126**	**0**	**126**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**126**	**0**	**126**	**0**	**0**	**0**																	
1	Nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt xã Sơn Lâm (Trả nợ)	"	2015	126	0	126			0							126		126																				
b.5	**Thủy lợi**			**700**	**0**	**490**	**0**	**210**	**0**							**700**	**0**	**490**	**0**	**210**	**0**																	
1	Kênh mương nội đồng thôn Du Oai	"	2017	700	0	490	0	210	0							700		490		210																		
b.6	**Môi trường**	"		**1,200**	**0**	**840**	**0**	**360**	**0**	**1,200**	**0**	**840**	**0**	**360**	**0**																							
1	Hệ thống thoát nước thải thôn Du Oai	"	2016	700	0	490	0	210	0	700		490		210																								
2	Hệ thống thoát nước thải thôn Cam Khánh	"	2016	500	0	350	0	150	0	500		350		150																								
b.7	**Công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp**			**15,000**	**0**	**10,500**	**4,500**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**5,000**	**0**	**3,500**	**1,500**	**0**	**0**	**5,000**	**0**	**3,500**	**1,500**	**0**	**0**	**5,000**	**0**	**3,500**	**1,500**	**0**	**0**						
1	Xây dựng đập Suối Ngựa	"	2017	5,000	0	3,500	1,500	0	0							5,000		3,500	1,500																			
2	Xây dựng đập Suối Cối	"	2018	5,000	0	3,500	1,500	0	0													5,000		3,500	1,500													
3	Xây dựng đập suối Mã	"	2019	5,000	0	3,500	1,500	0	0																			5,000		3,500	1,500							
c	**Xã Sơn Bình**			**33,040**	**5,320**	**17,194**	**4,395**	**5,517**	**614**	**6,140**	**0**	**3,684**	**0**	**1,842**	**614**	**7,800**	**700**	**4,760**	**870**	**1,470**	**0**	**6,100**	**2,870**	**1,400**	**525**	**1,305**	**0**	**10,000**	**1,750**	**5,250**	**2,175**	**825**	**0**	**3,000**	**0**	**2,100**	**825**	**75**	**0**	
c.1	**Giao thông**			**22,740**	**5,320**	**9,984**	**2,400**	**4,422**	**614**	**6,140**	**0**	**3,684**	**0**	**1,842**	**614**	**2,000**	**700**	**700**	**0**	**600**	**0**	**5,600**	**2,870**	**1,050**	**450**	**1,230**	**0**	**6,500**	**1,750**	**2,800**	**1,200**	**750**	**0**	**2,500**	**0**	**1,750**	**750**	**0**	**0**	
1	Đường từ nhà Cao Văn Tịnh đến nhà Bo Bo Thị Thắm	Xã Sơn Lâm	2016	300	0	180	0	90	30	300		180		90	30																							
2	Đường từ trường tiểu học đến ao cá bà Nguyễn Thị Thanh	"	2016	300	0	180	0	90	30	300		180		90	30																							

Số TT	Tên dự án đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian khởi công-hoàn thành	Tổng nguồn vốn giai đoạn 2016-2020						Nhu cầu vốn đầu tư phát triển năm 2016-2020																								Ghi chú
										Năm 2016						Năm 2017						Năm 2018						Năm 2019						Năm 2020					
												Trong đó:						Trong đó:						Trong đó:						Trong đó:						Trong đó:					
				Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Đóng góp nhân dân	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Đóng góp nhân dân	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Đóng góp nhân dân	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Đóng góp nhân dân	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Đóng góp nhân dân	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Đóng góp nhân dân	
3	Đường từ đất Bo Bo Dương đến đồng ruộng Suối Sóc	"	2016	1,000	0	600	0	300	100	1,000		600		300	100																								
4	Xây dựng cống tràn số 2 qua tuyến suối trên	"	2016	540	0	324	0	162	54	540		324		162	54																								
5	Đường từ ngã 3 Cầu gỗ đến hết thôn Xóm Cò	"	2016	4,000	0	2,400	0	1,200	400	4,000		2,400		1,200	400																								
6	Đường từ nhà Ông Cao Xuân Đệ đến đồng ruộng Suối Sóc	"	2017	1,000	0	700	0	300								1,000		700		300																			
7	Đường từ đất Đồng Văn Viết đến đất Cao Thắng	"	2017	500	350	0	0	150	0							500	350			150																			
8	Đường từ đất Mẫu Hồng Ngành đến đất Bo Bo Minh Xanh	"	2017	500	350	0	0	150	0							500	350			150																			
9	Xây dựng cống tràn số 1 qua tuyến suối trên	"	2018	1,500	0	1,050	450	0	0													1,500		1,050	450												
10	Đường từ đất Cao Liêng đến đất Cao Xuân Diệu	"	2018	600	420	0	0	180	0													600	420			180											
11	Nối tiếp đường vào đồng ruộng Xóm Cò	"	2018	3,500	2,450	0	0	1,050	0													3,500	2,450			1,050											
12	Nâng cấp đường từ rẫy ông thành đến rẫy ông nguyễn	"	2019	2,500	1,750	0	0	750	0																			2,500	1,750			750					
13	Nâng cấp đường thôn Liên Hòa	"	2019	4,000	0	2,800	1,200	0	0																			4,000		2,800	1,200						
14	Nối dài đường dân sinh thôn Kô lăk	"	2020	2,500	0	1,750	750	0	0																									2,500		1,750	750		
c.2	Cơ sở vật chất văn hóa			7,300	0	5,110	1,095	1,095	0	0	0	0	0	0	0	5,800	0	4,060	870	870	0	500	0	350	75	75	0	500	0	350	75	75	0	500	0	350	75	75	0
1	Xây dựng nhà văn hóa thôn Liên Hòa		2017	800	0	560	120	120								800		560	120	120																	
2	Khu thể thao-nhà văn hóa xã Sơn Bình		2018	5,000	0	3,500	750	750								5,000		3,500	750	750																	
3	Nhà cộng đồng thôn Cô Lắc		2019	500	0	350	75	75														500		350	75	75											
4	Nhà cộng đồng thôn Liên Bình		2020	500	0	350	75	75																				500		350	75	75					
5	Nhà cộng đồng thôn Xóm Cò		2020	500	0	350	75	75																													
c.3	Nước sinh hoạt nông thôn			3,000	0	2,100	900	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3,000	0	2,100	900	0	0	0	0	0	0
1	Hệ thống nước tự chảy Căranôa xã Sơn Bình		2019	3,000		2,100	900																					3,000		2,100	900						
d	Xã Sơn Hiệp			46,025	6,500	24,263	8,262	6,600	400	4,000	0	2,400	0	1,200	400	14,025	1,300	9,263	5,562	900	0	13,500	3,500	5,950	2,700	1,350	0	3,000	0	2,100	0	900	0	7,500	700	4,550	0	2,250	0
d.1	Giao thông			20,400	0	13,940	1,200	4,920	340	3,400	0	2,040	0	1,020	340	0	0	2,100	0	900	0	8,000	0	5,600	1,200	1,200	0	2,000	0	1,400	0	600	0	4,000	0	2,800	0	1,200	0
1	Nâng cấp đường thôn Liên Hiệp từ nhà Bà Thanh đến trục nội đồng	Xã Sơn Hiệp	2016	1,400	0	840	0	420	140	1,400		840		420	140																								
2	Nâng cấp đường BTXM thôn Tà Gụ	"	2016	2,000	0	1,200	0	600	200	2,000		1,200		600	200																								
3	Nối tiếp đường BTXM từ nhà ông mẫu lang đi điểm trường tiểu học thôn Hòn Dung	"	2017	2,000	0	1,400	0	600	0									1,400		600																			
4	Đường giao thông thôn Xà Bói từ trường tiểu học đến đường liên thôn Xã Sơn Hiệp Sơn Bình	"	2017	1,000	0	700	0	300	0									700		300																			
5	Đường vào khu sản xuất Liên Hiệp, xã Sơn Hiệp	"	2018	4,000	0	2,800	1,200	0	0													4,000		2,800	1,200												
6	Đường vào khu sản xuất Hòn Dung, xã Sơn Hiệp	"	2018	2,000	0	1,400	0	600	0													2,000		1,400		600											
7	Đường nội đồng thôn Hòn Dung từ ruộng mía ông Hân đến rẫy ông Tánh	"	2018	2,000	0	1,400	0	600	0													2,000		1,400		600											

Số TT	Tên dự án đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian khởi công-hoàn thành	Tổng nguồn vốn giai đoạn 2016-2020						Nhu cầu vốn đầu tư phát triển năm 2016-2020																								Ghi chú
										Năm 2016						Năm 2017						Năm 2018						Năm 2019						Năm 2020						
												Trong đó:							Trong đó:						Trong đó:						Trong đó:						Trong đó:					
				Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Đóng góp nhân dân	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Đóng góp nhân dân	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Đóng góp nhân dân	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Đóng góp nhân dân	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Đóng góp nhân dân	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Đóng góp nhân dân	
8	Đường BTXM vào trục nội đồng thôn Tà Gụ	"	2019	1,000	0	700	0	300	0																			1,000		700		300								
9	Đường vào khu sản xuất Tà Gụ, xã Sơn Hiệp	"	2019	1,000	0	700	0	300	0																			1,000		700		300								
10	Đường từ rẫy ông Mai thôn Xà Bói đi thôn Hòn Dung	"	2020	4,000	0	2,800	0	1,200	0																									4,000		2,800		1,200	
d.2	Thủy lợi			2,100	0	1,410	0	630	60	600	0	360	0	180	60	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,500	0	1,050	0	450	0	
1	Nâng cấp kênh mương Tỷ Lay thôn Hòn Dung		2016	600	0	360	0	180	60	600		360		180	60																									
2	Nâng cấp hệ thống kênh mương các thôn Liên Hiệp, Xà Bói, Tà Gụ		2020	1,500		1,050		450																										1,500		1,050		450	
d.3	Cơ sở vật chất giáo dục			1,300	1,300	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1,300	1,300	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Sơn Hiệp		2017	1,300	1,300	0	0	0	0							1,300	1,300																							
d.4	Cơ sở vật chất văn hóa			12,225	700	6,113	4,362	1,050	0	0	0	0	0	0	0	8,725	0	4,363	4,362	0	0	500	0	350	0	150	0	1,000	0	700	0	300	0	2,000	700	700	0	600	0	
1	Trụ sở UBND xã Sơn Hiệp		2017	8,725	0	4,363	4,362	0	0							8,725		4,363	4,362																					
2	Xây dựng khu thể thao thôn Liên Hiệp		2018	500	0	350	0	150														500		350		150														
3	Xây dựng sân thể thao xã Sơn Hiệp		2019	1,000	0	700	0	300																				1,000		700		300								
4	Xây dựng nhà văn hóa xã Sơn Hiệp		2020	2,000	700	700	0	600																										2,000	700	700		600		
d.5	Nước sinh hoạt nông thôn			6,000	4,500	0	1,500	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5,000	3,500	0	1,500	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Hệ thống nước tự chảy xã Sơn Hiệp		2018	6,000	4,500	0	1,500	0	0													5,000	3,500		1,500															
d.6	Dồn điền đổi thửa			4,000	0	2,800	1,200	0	0	0	0	0	0	0	0	4,000	0	2,800	1,200	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Cánh đồng mẫu sản xuất cây mía tím năng suất cao		2018	4,000	0	2,800	1,200	0	0							4,000		2,800	1,200																					
c	Xã Sơn Trung			26,763	613	16,080	5,060	4,035	975	7,250	0	2,850	1,250	2,175	975	8,613	613	5,600	1,350	1,050	0	5,000	0	3,500	1,050	450	0	2,400	0	1,680	570	150	0	3,500	0	2,450	840	210	0	
c.1	Giao thông			22,950	0	13,840	5,060	3,075	975	7,250	0	2,850	1,250	2,175	975	6,000	0	4,200	1,350	450	0	5,000	0	3,500	1,050	450	0	1,900	0	1,330	570	0	0	2,800	0	1,960	840	0	0	
1	Nâng cấp đường từ nhà Ông Đăng đến nghĩa địa thôn Tà Nia	Xã Sơn Trung	2016	470	0	282	0	141	47	470		282		141	47																									
2	Đường từ đường Ngô Quyền đến nhà Ông Huỳnh	"	2016	280	0	168	0	84	28	280		168		84	28																									
3	Đường vào khu sản xuất Ma O xã Sơn Trung	"	2016	4,000	0	2,400	0	1,200	400	4,000		2,400		1,200	400																									
4	Nâng cấp đường xóm 8 Thôn Ma O	"	2016	2,500	0	0	1,250	750	500	2,500			1,250	750	500																									
5	Đường từ rẫy Bà Phượng đến rẫy Ông anh thôn Ma O	"	2017	1,500		1,050	450	0	0							1,500		1,050	450																					
6	Đường từ Sơn Trung đi Ba Cum Bắc	"	2017	3,000		2,100	900	0	0							3,000		2,100	900																					
7	Đường vào khu sản xuất Lê Doãn Thức xã Sơn Trung	"	2017-2018	3,000		2,100	0	900	0							1,500		1,050		450		1,500		1,050		450														
8	Đường từ trường tiểu học Chi Chay đến Đập Knó	"	2018	2,000		1,400	600	0	0													2,000		1,400	600															
9	Đường từ rẫy Bà Phượng đến rẫy Ông anh thôn Ma O (giai đoạn 2)	"	2018	1,500		1,050	450	0	0													1,500		1,050	450															
10	Nối tiếp BTXM từ rẫy ông Hạnh đến cống ban Suối Ka ro thôn Ma O (giai đoạn 1)	"	2019	1,900		1,330	570	0	0																			1,900		1,330	570									

Số TT	Tên dự án đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian khởi công-hoàn thành	Tổng nguồn vốn giai đoạn 2016-2020						Nhu cầu vốn đầu tư phát triển năm 2016-2020																										Ghi chú
										Năm 2016						Năm 2017						Năm 2018						Năm 2019						Năm 2020						
												Trong đó:						Trong đó:						Trong đó:						Trong đó:						Trong đó:					
				Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Đóng góp nhân dân	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Đóng góp nhân dân	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Đóng góp nhân dân	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Đóng góp nhân dân	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Đóng góp nhân dân	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Đóng góp nhân dân	
11	Nối tiếp BTXM từ rẫy ông Hạnh đến cổng bản Suối Ka ro thôn Ma O (giai đoạn 2)	"	2020	2,800		1,960	840	0	0																									2,800		1,960	840		
c.2	Thủy lợi	"		3,200	0	2,240	0	960	0	0	0	0	0	0	0	2,000	0	1,400	0	600	0	0	0	0	0	0	0	500	0	350	0	150	0	700	0	490	0	210	0	
1	Đập và kênh mương Đầu bò thượng	"	2017	2,000		1,400	0	600								2,000		1,400		600																				
2	Nâng cấp kênh mương Kno		2019	500		350	0	150																				500		350		150								
3	Nâng cấp kênh mương Chi Chay	"	2020	700		490	0	210	0																									700		490		210		
c.3	Nước sinh hoạt nông thôn	"		613	613	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	613	613	0	0	0	0																			
1	Nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt xã Sơn Trung	"	2018	613	613	0	0	0	0							613	613																							
f	Xã Ba Cụm Bắc			66,728	7,240	51,958	4,260	2,970	300	13,000	0	11,800	0	900	300	25,900	840	21,790	2,910	360	0	14,028	0	13,398	630	0	0	2,400	700	980	720	0	0	0	0	5,700	3,990	0	1,710	0	
f.1	Giao thông			29,800	7,240	15,030	4,260	2,970	300	3,000	0	1,800	0	900	300	10,900	840	6,790	2,910	360	0	2,100	0	1,470	630	0	0	2,400	700	980	720	0	0	0	0	5,700	3,990	0	1,710	0	
1	Đường từ nhà ông Tùng đi khu sản xuất rẫy ông Cao Lá Hành	Xã BCB	2016	1,800	0	1,080	0	540	180	1,800		1,080		540	180																									
2	Nâng cấp đường Suối Đá	"	2016	1,200	0	720	0	360	120	1,200		720		360	120																									
3	Đường TL9 đến nhà Già làng Cao Bốn		2017	1,200	840	0	0	360	0							1,200	840			360																			
4	Nâng cấp đường liên xã BCB đi xã Sơn Trung		2017	3,600	0	2,520	1,080	0	0							3,600		2,520	1,080																				
5	Đường từ nhà ông Mẫu Bông đi nội đồng thôn A Thi		2017	1,000	0	700	300	0	0							1,000		700	300																				
6	Đường nối tiếp Suối Đá đi khu sản xuất		2017	4,000	0	2,800	1,200	0	0							4,000		2,800	1,200																				
7	Đường vào khu nghĩa trang thôn Tha Mang		2017	1,100	0	770	330	0	0							1,100		770	330																				
8	Đường vào khu quy hoạch dân cư-Đài tưởng niệm		2018	1,200	0	840	360	0	0													1,200		840	360														
9	Đường vào trường dân tộc nội trú Khanh Sơn	"	2018	900	0	630	270	0	0													900		630	270														
10	Đường từ nhà ông Nhật đi khu tái định cư làng quy	"	2019	1,000	700	0	300	0	0																			1,000	700		300								
11	Đường từ nhà ông Ban đi khu sản xuất nhà ông Bút	"	2019	1,400	0	980	420	0	0																			1,400		980	420								
12	Nối tiếp đường nội đồng từ nhà Ông Lượng đi rẫy ông Mẫu Quốc Nấm		2020	6,000	3,000	2,100	0	900	0																										3,000	2,100		900	
13	Đường từ rẫy ông Phong đi nội đồng thôn Suối Đá		2020	5,400	2,700	1,890	0	810	0																										2,700	1,890		810	
f.2	Cơ sở vật chất văn hóa			9,120	0	9,120	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5,000	0	5,000	0	0	0	4,120	0	4,120	0	0	0	0											
1	Trụ sở UBND xã Ba Cụm Bắc		2017-2018	9,120	0	9,120	0	0	0							5,000		5,000				4,120		4,120															
f.3	Nhà ở dân cư			27,808	0	27,808	0	0	0	10,000	0	10,000	0	0	0	10,000	0	10,000	0	0	0	7,808	0	7,808	0	0	0	0											
1	Khu tái định cư thôn Dốc Trầu xã Ba Cụm Bắc		2016-2018	27,808	0	27,808	0	0	0	10,000		10,000				10,000		10,000				7,808		7,808															
h	Xã Ba Cụm Nam			28,494	2,881	16,036	3,553	5,601	423	4,231	0	2,539	0	1,269	423	4,390	300	2,770	1,170	150	0	4,841	1,081	2,310	0	1,450	0	10,923	1,500	5,541	1,150	2,732	0	4,109	0	2,876	1,233	0	0	
h.1	Giao thông			21,844	1,081	13,786	2,253	4,301	423	4,231	0	2,539	0	1,269	423	3,390	0	2,370	1,020	0	0	4,841	1,081	2,310	0	1,450	0	5,273	0	3,691	0	1,582	0	4,109	0	2,876	1,233	0	0	
1	Đường đi khu sản xuất suối hai thôn Ka Tơ	Xã BCN	2016	2,000	0	1,200	0	600	200	2,000		1,200		600	200																									
2	Đường từ nhà ông Hậu thôn Ka tơ đến nhà ông Nhiều thôn hòn gầm	"	2016	1,140	0	684	0	342	114	1,140		684		342	114																									

Số TT	Tên dự án đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian khởi công-hoàn thành	Tổng nguồn vốn giai đoạn 2016-2020						Nhu cầu vốn đầu tư phát triển năm 2016-2020																										Ghi chú
										Năm 2016						Năm 2017						Năm 2018						Năm 2019						Năm 2020						
												Trong đó:						Trong đó:						Trong đó:						Trong đó:						Trong đó:					
				Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Đóng góp nhân dân	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Đóng góp nhân dân	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Đóng góp nhân dân	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Đóng góp nhân dân	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Đóng góp nhân dân	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách cấp tỉnh quản lý	Ngân sách cấp huyện quản lý	Ngân sách cấp xã quản lý	Đóng góp nhân dân	
3	Nâng cấp đường BTXM từ nhà ông Cao Văn Thiết đến trục đường chính thôn Ka Tơ	"	2016	1,091	0	655	0	327	109	1,091		655		327	109																						
4	Nâng cấp đường BTXM từ nhà ông Lợi đến nhà Bà tro thị khêm thôn Suối Me	"	2,017	3,390	0	2,370	1,020	0	0							3,390		2,370	1,020																		
5	Nâng cấp đường BTXM từ nhà ông Bo Bo Biện đến nhà ông Mẫu Xuân Chuẩn thôn Hòn Gầm		2,018	1,541	1,081	0	0	460														1,541	1,081			460										
6	Đường BTXM đi khu sản xuất suối Lớn		2,018	3,300	0	2,310	0	990														3,300		2,310		990										
7	Nâng cấp đường BTXM từ nhà ông Trọ Thông đi khu sản xuất suối đầu Bò		2,019	1,541	0	1,079	0	462																			1,541		1,079		462					
8	Nâng cấp đường BTXM từ nhà cộng đồng thôn Ka Tơ đến nhà ông Mẫu Phật thôn Ka Tơ		2,019	3,732	0	2,612	0	1,120																			3,732		2,612		1,120					
9	Nối tiếp đường đi hồ nước đến Ba Cụm Bắc		2,020	4,109	0	2,876	1,233																										4,109		2,876	1,233		
h.2	Cơ sở vật chất văn hóa	"		6,650	1,800	2,250	1,300	1,300	0	0	0	0	0	0	0	1,000	300	400	150	150	0	0	0	0	0	0	0	5,650	1,500	1,850	1,150	1,150	0	0	0	0	0	0	
1	Xây dựng sân văn động xã Ba Cụm Nam	"	2,017	1,000	300	400	150	150	0							1,000	300	400	150	150							5,000	1,500	1,500	1,000	1,000						
2	Nhà Văn hóa thiếu nhi xã Ba Cụm Nam	"	2,019	5,000	1,500	1,500	1,000	1,000	0																		650		350	150	150						
3	Nhà cộng đồng thôn Suối Me		2019	650	0	350	150	150																													

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Nơi nhận:
- Sở KH & ĐT tỉnh Khánh Hòa;
- TT HU, TT HĐND & UBND;
- Lưu: VT.